**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014 (Giảng lần thứ 4)**

**PHẨM 6: PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN**

**Phát Thệ Nguyện Rộng Lớn**

**Tập 192**

**Hòa thượng Tịnh Không chủ giảng.**

**Giảng tại: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông.**

**Thời gian: Ngày 29 tháng 3 năm 2015.**

**Ban biên dịch: Hoa Tạng Huyền Môn.**

**Dịch giả: Diệu Hiệp.**

Kính chào quý vị Pháp sư, quý vị đồng học, mời an tọa, mời an tọa. Thỉnh mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

***A-xà-lê tồn niệm, ngã đệ tử Diệu Âm, thỉ tùng kim nhật, nãi chí mạng tồn, quy y Phật Đà, lưỡng túc trung tôn, quy y Đạt Ma, ly dục trung tôn, quy y Tăng Già, chư chúng trung tôn*** (***3 lần***).

Mời xem Đại Kinh Khoa Chú, trang 492, trang 492, đếm ngược từ hàng thứ năm, chúng ta xem từ đầu câu:

又如《阿彌陀經》曰：其佛國土，尚無惡道之名，何況有實 **“Hựu như A Di Đà Kinh viết: Kỳ Phật quốc độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thật”** *(Lại như trong Kinh A Di Đà nói: Cõi nước Phật ấy còn không có tên của đường ác, huống chi là có thật)*. Đây là nguyện thứ 28 của Phật: 國無不善願 **“Quốc vô bất thiện nguyện”** *(Nguyện cõi nước không có điều bất thiện)*, đoạn này chúng ta đã học hôm trước. Ở đây, Niệm lão nêu ra một ví dụ trong Kinh A Di Đà, trong Kinh A Di Đà có vài câu kinh văn, 其佛國土 **“kỳ Phật quốc độ”** *(cõi nước Phật ấy)*, chính là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, 尚無惡道之名 **“thượng vô ác đạo chi danh”** *(còn không có tên của đường ác)*, tên gọi của ba đường ác cũng không có, 何況有實 **“hà huống hữu thật”** *(huống chi là có thật),* cũng tức là ở thế giới Cực Lạc không nghe thấy những danh từ súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, không có danh từ, thì làm sao có những việc này? Thế giới Cực Lạc có Phàm-thánh-đồng-cư độ, Phàm-thánh-đồng-cư độ chỉ có hai đường, ở chỗ chúng ta là sáu đường, trên đó chỉ có hai đường, chỉ có người và trời; A-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục đều không có. Trong kinh nói có chim, trong kinh đã nói rất rõ những loài chim này, 皆是阿彌陀佛，欲令法音宣流，變化所作 **“giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác”** *(đều là do A Di Đà Phật muốn khiến cho pháp âm tuyên lưu mà biến hóa làm ra).* Những loài chim ấy biết giảng kinh, kinh gì cũng biết giảng, quý vị thích nghe kinh gì, chúng sẽ giảng kinh đó cho quý vị nghe, đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra, không phải là đường súc sanh thật. Cho nên biến hóa làm ra, Phật dùng phương tiện thiện xảo này, biến hóa những loài chim ấy để thuyết pháp.

靈峰大師 **“Linh Phong Đại Sư”** *(Đại sư Linh Phong)* là Đại sư Ngẫu Ích, Tổ sư đời thứ chín của Tịnh-độ tông chúng ta. 於此更有妙解 **“Ư thử cánh hữu diệu giải”** *(Đối với điều này lại có cách giải thích hay)*, ngài giải thích rất hay, đó chính là A Di Đà Kinh Yếu Giải. Trong Di Đà Yếu Giải nói, đây là giả thiết câu hỏi đáp, 問：白鶴等，非惡道名耶 **“vấn: Bạch hạc đẳng, phi ác đạo danh da?”** *(hỏi: Bạch hạc, v.v… chẳng phải là tên của đường ác sao?)*, người khác nêu ra câu hỏi này, có bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, đây chẳng phải là súc sanh sao? Đây không phải là tên của đường ác sao? 答：既非罪報 **“Đáp: Ký phi tội báo”** *(Đáp: Đã chẳng có tội báo)*, chúng là do A Di Đà Phật biến hóa ra, không phải là đường súc sanh thật. Vì vậy, 則一一名字，皆詮如來究竟功德。所謂究竟白鶴等，無非性德美稱，豈惡名哉 **“tắc nhất nhất danh tự, giai thuyên Như Lai cứu cánh công đức. Sở vị cứu cánh bạch hạc đẳng, vô phi tánh đức mỹ xưng, khởi ác danh tai!** *(thì mỗi một danh từ đều nói rõ công đức cứu cánh của Như Lai. Gọi là cứu cánh vì bạch hạc, v.v… đều là danh xưng tốt đẹp của tánh đức, đâu phải là danh từ xấu ác!)* Nói rất hay, Đại sư Ngẫu Ích có trí huệ.

Ý này, phần sau Niệm lão giải thích cho chúng ta, ngài nói 經云 **“kinh vân”** *(trong kinh nói)*, trước tiên trích dẫn kinh, 彼國常有種種奇妙雜色之鳥，白鶴、孔雀、鸚鵡、舍利、迦陵頻伽、共命之鳥 **“bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điểu, bạch hạc, khổng tước, xá lợi, ca lăng tần già, cộng mạng chi điểu”** *(cõi nước ấy thường có đủ các loài chim kỳ diệu nhiều màu sắc như: bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, ca lăng tần già, cộng mạng)*, có những loài chim này, ở thế giới Cực Lạc đâu đâu cũng nhìn thấy, chúng đều đang thuyết pháp. Vì sao vậy? Phật thuyết pháp, nhìn thấy Phật nhất định phải rất nghiêm túc, ngồi ở đó, đứng ở đó, giữ đúng quy tắc, không dám khinh mạn; nếu là chim thuyết pháp, vậy thì thoải mái hơn nhiều, quý vị có thể tự tại ở đó hưởng thụ, đây là phương tiện vô cùng thù thắng của A Di Đà Phật. Phương tiện thiện xảo như vậy, nên chúng ta phải cảm ơn Phật. 故或問曰：彼國既有白鶴等鳥，則白鶴之名豈非惡報之名耶 **“Cố hoặc vấn viết: Bỉ quốc ký hữu bạch hạc đẳng điểu, tắc bạch hạc chi danh khởi phi ác báo chi danh da?”** *(Nên nếu hỏi rằng: Cõi nước ấy có các loài chim như bạch hạc, v.v… thì tên gọi bạch hạc chẳng phải là tên gọi của ác báo sao?)* Đây chính là câu hỏi giả thiết trong Yếu Giải, đưa ra câu hỏi. 《要解》答曰：經云汝勿謂此鳥，實是罪報所生 **“Yếu Giải đáp viết: Kinh vân nhữ vật vị thử điểu, thật thị tội báo sở sanh”** *(Trong Yếu Giải đáp rằng: Kinh dạy ông chớ cho là những loài chim này thật là do tội báo sanh ra)*, chúng không phải là thật, chúng không phải do tội báo sanh ra. Đường súc sanh ở thế giới của chúng ta là do đã tạo tội nghiệp của đường súc sanh mới đọa vào đường súc sanh. Thế giới Cực Lạc không phải vậy, những loài chim đó là A Di Đà Phật, là Hóa-thân của A Di Đà Phật, nên dùng thân gì để được độ thì Ngài hiện thân ấy, phương tiện thiện xảo đến tột cùng. Cho nên đáp rằng: 白鶴等，既非罪報所生，則其假名亦非惡名。是諸鳥等皆如來性德所顯 **“Bạch hạc đẳng, ký phi tội báo sở sanh, tắc kỳ giả sanh diệc phi ác danh. Thị chư điểu đẳng giai Như Lai tánh đức sở hiển”** *(Bạch hạc, v.v… đã không phải do tội báo sanh ra, thì giả danh đó cũng chẳng phải là danh từ xấu ác. Những loài chim này đều hiển hiện từ tánh đức của Như Lai)*, là từ trong tánh đức của Như Lai biến hóa ra, 焉可視為惡名 **“yên khả thị vi ác danh”** *(sao có thể xem đó là danh từ xấu ác)*, làm sao có thể xem đó là tên gọi của súc sanh? Trong Yếu Giải nói rất hay, những tên gọi này đều là xứng tánh mà có.

Tiếp theo lại nêu ví dụ trong Quán Kinh, 《觀經》曰：如意珠王，涌出金色微妙光明，其光化為百寶色鳥 **“Quán Kinh viết: Như ý châu vương, dũng xuất kim sắc vi diệu quang minh, kỳ quang hóa vi bách bảo sắc điểu”** *(Trong Quán Kinh nói: Vua ngọc như ý phóng ra ánh sáng vi diệu màu vàng, ánh sáng ấy hóa ra các loài chim màu trăm báu)*. Trong Quán Kinh cũng có ví dụ này, có các loài chim, những loài chim này từ trong ánh sáng vi diệu của vua ngọc như ý biến hóa ra, không phải là đường súc sanh thật sự. 可見極樂依正，悉是如來果覺之所莊嚴。是諸眾鳥，皆是彌陀變化所作。彼土（就是極樂世界）一色一香，一塵一名，無非中道 **“Khả kiến Cực Lạc y chánh, tất thị Như Lai quả giác chi sở trang nghiêm. Thị chư chúng điểu, giai thị A Di Đà Phật biến hóa sở tác. Bỉ độ (tức thị thế giới Cực Lạc) nhất sắc nhất hương, nhất trần nhất danh, vô phi trung đạo”** *(Có thể thấy y-báo chánh-báo của cõi Cực Lạc đều là sự trang nghiêm bởi quả giác của Như Lai. Những loài chim này đều là do A Di Đà Phật biến hóa làm ra. Mỗi màu sắc, mỗi mùi hương, mỗi hạt bụi, mỗi tên gọi ở cõi ấy (tức là thế giới Cực Lạc) đều là trung đạo)*, đó là từ Pháp-tánh biến hiện ra. Cho nên thân của người ở thế giới Cực Lạc là thân Pháp-tánh, cõi nước là cõi Pháp-tánh, khác với thế giới của chúng ta. Thân người ở thế giới chúng ta là như thế nào? Là tướng phần của A-lại-da, thân pháp tướng. Hoàn cảnh sống của chúng ta, vô lượng vô biên tinh cầu của cả vũ trụ đều là cảnh-giới-tướng của A-lại-da, là giả, không phải thật, A-lại-da có sanh có diệt. Vì vậy, cả vũ trụ, những gì chúng ta có thể nhìn thấy, nghe được, có thể nghe thấy, có thể tiếp xúc được đều là tướng phần của A-lại-da.

Mỗi tướng phần của A-lại-da, tướng phần cực kỳ nhỏ, trong kinh Phật gọi là cực-vi-sắc, nhà khoa học ngày nay phát hiện rồi. Phật nói với chúng ta, đơn vị vật chất cực kỳ nhỏ này, nó không thể tách ra nữa, nếu vừa tách ra thì không còn, hiện tượng vật chất này không còn nữa. Hiện nay, nhà khoa học phát hiện, làm sáng tỏ rồi, nhà khoa học gọi vật chất nhỏ này là neutrino. Neutrino bao lớn? Nhà khoa học nói với chúng ta, tập hợp mười tỷ neutrino, mười tỷ neutrino tập hợp với nhau, thể tích của nó bằng với một electron. Sau khi phá vỡ nguyên tử, phát hiện trong nguyên tử có electron, có neutron, có hạt nhân nguyên tử. Tức là một electron trong nguyên tử, thể tích của một electron bằng mười tỷ lần của neutrino, nhỏ như vậy. Chúng ta không thấy được nguyên tử. Nên có thể nói, nguyên tử này là vi trần mà trong kinh Phật nói đến chắc hẳn là thứ này. Phật nói thiên nhãn của A-la-hán có thể nhìn thấy, dưới A-la-hán, A-na-hàm không nhìn thấy, phải chứng được quả A-la-hán mới có thể nhìn thấy. Đây là nhỏ ở trong cực nhỏ, cực-vi-sắc này thật không đơn giản, tuy nhỏ như vậy, nhưng nó có thấy nghe hay biết, nó có thọ tưởng hành thức, chính là ngũ-uẩn mà nhà Phật nói đến.

Các đồng học tụng Tâm Kinh rất thuộc, trong Tâm Kinh nói: “Quán Tự Tại Bồ-tát, hành thâm bát-nhã ba-la-mật đa thời, chiếu kiến ngũ-uẩn giai không”, ngũ-uẩn này là chỉ cực-vi-sắc, cả vũ trụ do nó hợp thành. Kinh Kim Cang nói là “một hợp tướng”, hợp, là tụ hợp lại, toàn vũ trụ đều là sự tập hợp của một thứ nhỏ trong cực nhỏ mà biến hiện ra, cho nên cả vũ trụ là cùng một thể tánh, chính là cực-vi-sắc. Cực-vi-sắc, mỗi cực-vi-sắc đều có thọ tưởng hành thức, đây là ngũ-uẩn, sắc thọ tưởng hành thức, sắc thọ tưởng hành thức không thể tách ra, là một không phải hai, không thể tách ra. Cho nên nhà khoa học phát hiện điều này mới biết được nhà khoa học đã phát triển 400 năm trên trái đất, đã phạm một sai lầm lớn nhất chính là tách nó ra. Khoa học tách nó ra thành vật lý và tâm lý, hiện tượng vật chất là vật lý, thọ tưởng hành thức là thuộc về tâm lý, tách ra rồi, không giống như Phật. Phật không tách ra, Phật nói nó là một không phải hai. Điều không thể tách ra là hiện tượng gì? Tất cả vật chất đều có thấy nghe hay biết, vật chất nhỏ hơn, nhỏ đến mức không thể nhỏ hơn nữa là cực-vi-sắc, nó có cảm thọ, nó có thọ; nó có tưởng; nó có hành, hành chính là sanh diệt liên tục không ngừng, niệm trước diệt, niệm sau liền sanh, nó không bị gián đoạn, hiện tượng này gọi là hành; cuối cùng là thức, thức là bổn thức, cũng tức là tự thể của nó. Chúng ta thường nói là ký ức, ký ức là A-lại-da, có thể nhớ được quá khứ, có thể tưởng tượng tương lai, đây đều là tác dụng của A-lại-da-thức.

Khoa học chia cả vụ trũ thành ba loại lớn, Phật pháp cũng chia vũ trụ thành ba loại lớn, danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa là như nhau. Hiện tượng vật chất là loại thứ nhất, trong kinh Phật gọi là cảnh-giới-tướng, cảnh-giới-tướng của A-lại-da; ý niệm, khởi tâm động niệm chính là thọ tưởng hành thức, khoa học gọi đó là thông tin, người thông thường như chúng ta gọi là ý niệm, hiện tượng tâm lý; loại còn lại là năng lượng, hiện tượng tự nhiên, chia thành ba loại này. Phật pháp nói nghiệp-tướng chính là năng lượng, chuyển-tướng chính là hiện tượng tâm lý, cho nên danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa đều tương đồng, đây là bí ẩn của vũ trụ mà nhà khoa học và triết học nói. Khoa học hiện nay có thể nói là tiến bộ tương đối khả quan, ba bí ẩn này của vũ trụ, bí ẩn thứ nhất được khám phá ra rồi, khám phá ra vật chất rồi; về mặt tinh thần thì đã đề cập đến, nhưng vẫn chưa nói rõ ràng. Trong kinh Phật giảng tường tận, tường tận hơn so với báo cáo của khoa học, cho nên kinh Phật không đơn giản. Tôi có lý do tin rằng, khoa học đang tiến bộ không ngừng, 30 năm sau, khoa học có thể làm sáng tỏ tam-tế-tướng, đây là sự thành tựu tuyệt vời! Nhưng khoa học là dùng toán học, dùng thiết bị quan sát mà phát hiện ra; Phật pháp không phải vậy, Phật pháp không như thế, không có toán học, cũng không có thiết bị, Phật pháp dùng gì? Dùng thiền-định, hoàn toàn dùng công phu thiền-định. Thiền-định đạt đến thâm sâu, như Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm nói thiền-định có 52 cấp bậc, bậc sau sâu hơn bậc trước. Có thể thấy được ba hiện tượng này của vụ trũ là ở cấp bậc nào? Trong kinh thường nói là Bát-địa trở lên, vậy thì chúng ta có khái niệm rồi. 52 cấp bậc này, 51 bậc trước đều gọi là Bồ-tát, bậc sau cùng gọi là Phật, tổng cộng có 52 cấp bậc. Từ Sơ-tín-vị trở lên, chia thành 50 cấp bậc gồm Thập-tín, Thập-trụ, Thập-hạnh, Thập-hồi-hướng, Thập-địa, bậc trên có Đẳng-giác, trên Đẳng-giác có Diệu-giác, Diệu-giác là Phật. Đẳng-giác vẫn là Bồ-tát, cấp bậc cao nhất của Bồ-tát là Đẳng-giác. Bát-địa là cấp bậc cao thứ năm; quý vị xem, Bát-địa, Cửu-địa, Thập-địa, Đẳng-giác, Diệu-giác, giống như chúng ta xây cao ốc, 5 tầng cao nhất của 52 tầng cao ốc, các Ngài đều biết, các Ngài tu từ trong thiền-định, khác với nhà khoa học. Nhà khoa học phát hiện, cũng nói không sai, nhưng không được thọ dụng; Phật pháp được thọ dụng, trên đại định này của Phật pháp, không còn hiện tượng sanh diệt, tức là không còn hiện tượng luân hồi nữa, cũng không còn mười pháp-giới, các Ngài được sáu loại thần thông, vả lại sáu loại thần thông này vô cùng không thể nghĩ bàn, chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Tuy nhà khoa học đã phát hiện, nhưng không có thần thông; Phật pháp là khi chứng đắc, thần thông và thọ dụng đều hiện tiền, điều này khác biệt. Điều Phật pháp hiểu rõ là thật, tuy họ nhìn thấy rồi, những vẫn cách một bậc. Vì vậy, chúng tôi có lý do tin rằng, 30 năm sau, Phật giáo không được gọi là tôn giáo nữa, mà là gì? Là khoa học bậc cao, triết học bậc cao.

Vào hơn 60 năm trước (64 năm trước), năm 26 tuổi, tôi học Triết học với thầy Phương Đông Mỹ, thầy là một nhà Triết học lớn của Đài Loan, tôi rất biết ơn thầy, thầy đã giảng cho tôi nghe bộ Khái luận Triết học, mục sau cùng là Triết học kinh Phật. Lúc đó tôi không biết thầy Phương nghiên cứu Phật giáo, không biết, khi thầy giảng mục này thì tôi hỏi, tôi hỏi thầy, tôi nói Phật giáo là tôn giáo, mà còn là đa thần giáo, đa thần giáo có nghĩa là tôn giáo cấp thấp, tôn giáo cấp cao chỉ có một vị thần thật, Phật giáo thì vị nào cũng lạy, lạy thần tượng, đây là tôn giáo cấp thấp, làm sao có Triết học được? Thầy Phương nói với tôi, Thích Ca Mâu Ni, thầy không nói Phật, thầy chỉ nói Thích Ca Mâu Ni là nhà Triết học vĩ đại nhất trên thế giới, Triết học kinh Phật, đặc biệt là Phật giáo Đại-thừa, là đỉnh cao nhất của Triết học thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi đã nhận biết được Phật giáo trong mục này, tiếp nhận lời dạy của thầy.

Tôi thỉnh giáo thầy, tôi nói: Thưa thầy, Triết học kinh Phật này thầy học từ đâu vậy? Thầy nói với tôi, vào thời kỳ kháng chiến, tám năm kháng chiến, thầy dạy ở Tứ Xuyên, vào lúc đó trường Đại học Trung Ương dời đến hậu phương lớn ở Tứ Xuyên. Thầy dạy học ở trường, có một khoảng thời gian thầy bị bệnh, có bạn bè giới thiệu, tốt nhất là đến núi Nga Mi để tu dưỡng, nơi núi Nga Mi đó rất tốt, thầy liền đến đó, dưỡng bệnh vài tháng trên núi. Trên núi không có báo chí, không có tạp chí, hoàn toàn không có những thứ này, chỉ có kinh sách. Hằng ngày thầy mở kinh sách ra xem, càng xem càng thích thú, cổ nhân Trung Hoa nói: 讀書千遍，其義自見 **“Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”** *(Đọc sách ngàn lần, tự hiểu nghĩa kia)*, thầy học được từ đây. Chúng tôi tin, thầy cũng sẽ thảo luận những kinh điển này với các vị Hòa thượng, nhưng trong những vị Hòa thượng ấy không có nhiều vị thật sự thâm nhập kinh tạng. Thầy rất thông minh, thầy thật sự hiểu được, vô cùng hiếm có.

Phật pháp của tôi học được từ đây, học được từ Triết học. Thầy nói với tôi, thầy nói: Nếu con muốn học Phật, 200 năm trước, những vị xuất gia trong tự viện và am đường của Trung Hoa, có rất nhiều vị thật sự có học vấn, có đức hạnh, con thật sự rất dễ học được. Thầy nói bây giờ không được, người xuất gia hiện nay không học nữa. Tôi hỏi vậy phải đến đâu để học? Thầy nói ở tự viện thì con không học được nữa, học từ kinh điển, thầy nói với tôi, nhất định phải học từ kinh điển. Kinh điển đương nhiên có độ sâu nhất định, có khó khăn, thầy kêu tôi xem chú giải; đọc không hiểu chú giải của người xưa, thì đọc của người thời nay. Người thời nay trong thời đại của tôi vẫn còn có vài vị, như lão Hòa thượng Đế Nhàn, lão Hòa thượng Đàm Hư, lão Hòa thượng Hư Vân, đều có rất nhiều tác phẩm; Đại sư Thái Hư, cũng đã để lại rất nhiều tác phẩm cho người đời sau. Tác phẩm của Đại sư Thái Hư tương đối dễ hiểu, đối với người sơ học mà nói thì rất có cống hiến, tiếp dẫn người sơ cơ dễ. Bây giờ những vị Đại đức này đều không còn nữa, ở thời đại này quá ít người như vậy.

Có một số học giả nghiên cứu Phật học, xem kinh Phật như một loại tri thức để nghiên cứu, không kiến tánh, không có công phu, cũng tức là thông thường nói là không khai ngộ. Không khai ngộ, học được toàn là tri thức; khai ngộ rồi, kinh Phật này là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết tất cả vấn đề, không để lại di chứng; tri thức thì không được, tri thức không thể giải quyết vấn đề, có tính hạn chế, mà còn để lại di chứng. Đến ngày nay thì khó khăn rồi, chúng ta mở trường Đại học Phật giáo thì không khó, nhưng việc dạy học trong Đại học Phật giáo thì có vấn đề rồi. Nếu tìm một số học giả chuyên gia thông thường trong nhà Phật để dạy, vậy thì hoàn toàn biến chất, tất cả kinh điển biến thành tri thức Phật học, đương nhiên là bản thân không được thọ dụng, không thể giải quyết phiền-não, không thể liễu sanh tử, không thể xuất tam giới, điều này là chắc chắn, mà còn có thể giảng sai kinh điển, giảng sai mà chính quý vị không biết.

Vì vậy, học thuật truyền thống của nước ta và Phật pháp Đại-thừa, mục đích học tập đều là khai ngộ. Ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ; đại triệt đại ngộ là minh tâm kiến tánh. Các Pháp sư giảng kinh, Pháp sư chú sớ thời xưa ở Trung Hoa, đều yêu cầu phải kiến tánh, không kiến tánh thì không có tư cách giảng kinh, không có tư cách chú sớ. Chúng ta xem trong Đại Tạng Kinh, kinh, là do Phật thuyết, đương nhiên không có gì để nói; chú sớ của nhiều đời Tổ sư, được thu nhận vào trong Tạng Kinh, vậy thì chứng minh các ngài đại triệt đại ngộ, nên tác phẩm mới được thu nhận. Không minh tâm kiến tánh, không đại triệt đại ngộ, thì tác phẩm đó tuyệt đối không thể đưa vào tạng. Cho nên, tác phẩm của Tổ sư Đại đức, tiêu chuẩn là đưa vào tạng, những tác phẩm trong Tạng Kinh có, không sai; tác phẩm không được đưa vào Tạng Kinh đều có vấn đề, điều này là thầy dạy chúng tôi. Không chỉ là thầy Phương dạy cho tôi, sau này tôi thân cận thầy Lý, tôi theo thầy mười năm, thầy cũng nói với tôi như vậy. Chúng tôi học giảng kinh, ra giảng kinh, không khai ngộ, làm gì có tư cách? Thầy khích lệ chúng tôi lên đài giảng, tôi nói chúng con không dám lên đài giảng. Thầy liền nói, thế hệ các trò không lên đài giảng thì Phật pháp sẽ diệt. Vì sao vậy? Vì không có người giảng kinh, sau này không còn ai giảng kinh nữa. Vậy thầy muốn chúng tôi giảng kinh, chúng ta nói “chuyển ngữ sai một chữ, đọa làm hồ ly 500 đời”, điều này thật quá đáng sợ! Thầy dạy chúng tôi giảng chú giải, đừng giảng sai chú giải, chú giải sai thì có người chịu trách nhiệm, chúng tôi có thể không chịu nhân quả này, cho nên chúng tôi học giảng chú giải. Học giảng chú giải thì cần phải có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính. Đối với người chú giải, chúng ta phải xem ngài là Phật Bồ-tát, phải có tâm cung kính, vậy mới đạt được lợi ích chân thật.

Khai ngộ, lý niệm dạy học và phương pháp dạy học của người xưa dùng đều là đi đến con đường khai ngộ, khác với người thời nay. Hiện nay là học rộng nghe nhiều, dạy quý vị đọc nhiều, nhớ nhiều, gọi là cách học ghi nhớ. Cách học ghi nhớ, ngay cả Khổng phu tử cũng không cho là đúng, trong Luận Ngữ có nói: 記問之學，不足以為人師也 **“Ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã”** *(Việc học [bằng cách] ghi nhớ, không đủ để làm thầy người khác)*, có thể thấy được người xưa mời thầy, không tìm người học theo cách ghi nhớ. Hiện nay hoàn toàn trở thành học vấn bởi ghi nhớ, đến đâu để tìm người khai ngộ đây, quá khó! Nhưng chúng ta phải đào tạo, nhất định phải đào tạo người khai ngộ, mới có thể cứu vãn Phật giáo. Người như thế nào có thể khai ngộ? Phải có điều kiện bẩm sinh, điều kiện bẩm sinh có ba: thứ nhất là thật thà, thứ hai là nghe lời, thứ ba là thật làm. Người đầy đủ ba điều kiện này có khả năng khai ngộ, nhất định không thể bỏ qua họ, phải giúp đỡ họ. Thật thà, nghe lời, thật làm, đây là đức hạnh, đây cũng là trí huệ. Người như vậy, họ nhất định có đủ những điều mà nhà Phật đã nói là Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, họ nhất định đầy đủ, đây chính là người có phước đức, người có trí huệ. Nếu dùng luân thường đạo đức của nhà Nho để nói, họ nhất định đầy đủ Ngũ luân Ngũ thường, Tứ duy Bát đức. Quy nạp lại bốn quy tắc này, loại bỏ sự trùng lặp, trên thực tế chỉ có 12 chữ, người đầy đủ 12 chữ này là người nước ta. 12 chữ này là “hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình”. Có đức hạnh như vậy, có sự tu dưỡng như thế, cộng thêm họ thật làm, họ thật sự có thể thực tiễn những đức hạnh này trong cuộc sống, thực tiễn trong công việc, thực tiễn trong đối người xử việc tiếp vật, người như vậy có khả năng. Nếu họ gặp được duyên, gặp được duyên thế gian, duyên của nhà Nho, họ có thể thành Thánh thành Hiền; gặp được Phật pháp Đại-thừa thì họ có thể thành Phật làm Tổ. Có cần những nền tảng khác không? Không cần.

Chúng tôi ở Trung Hoa thấy được Đại sư Huệ Năng, không biết chữ, chưa từng đi học, ngài đầy đủ ba điều kiện này: thật thà, nghe lời, thật làm. Đời sống, đối nhân tiếp vật, ngài khiêm tốn, cung kính, chân thành; dùng tâm chân thành, tâm cung kính, tâm thanh tịnh, ngài liền được thành tựu, ngài đầy đủ những điều này. Vì vậy, ngài có thể cùng với Ngũ tổ Hòa thượng Hoằng Nhẫn, chúng ta thấy được trong Đàn Kinh, trên thực tế, ngài và Ngũ tổ Hòa thượng Hoằng Nhẫn chỉ gặp mặt hai lần. Lần thứ nhất là có người giới thiệu, anh đến Hoàng Mai tham bái Ngũ tổ, theo Ngũ tổ học tập. Ngài đến Hoàng Mai gặp được Ngũ tổ, Ngũ tổ hỏi ngài: Anh đến đây muốn học gì? Ngài nói con đến học làm Phật. Ngài nói thật, ngài không phải nói đùa, ngài muốn đến để làm Phật, đoạn đối thoại này nằm ở phần trước trong Đàn Kinh. Ngũ tổ giao việc cho ngài, biết ngài xuất thân là tiều phu, vẫn làm nghề cũ, đến phòng giã gạo để giã gạo chẻ củi, làm công việc này.

Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, từ ghi chép trong Đàn Kinh, chúng tôi phát hiện ngài rất thật thà, bởi vì bài kệ do ngài Thần Tú viết được dán trên tường, ngài không biết ở đâu, phải nhờ người khác đưa ngài đến xem, đó là ngài thật thà. Nếu là một số người không thật thà, tự viện đó cũng không lớn lắm, từng góc cạnh cũng đã sớm biết rõ, nắm rõ ràng rồi. Sao lại tám tháng mà vẫn chưa biết rõ, điều này chứng tỏ ngài thật thà. Ngũ tổ kêu ngài làm việc, ở phòng củi, công việc của ngài là ở nơi đó, chưa từng rời khỏi nơi đó, một người thật thà đến thế. Ngài nghe bài kệ của ngài Thần Tú, biết là chưa khai ngộ, ngài sửa lại bài kệ đó, điều này đã làm náo động một số người. Ngũ tổ bước ra ngay, nhìn thấy, rồi bôi đi bài kệ của ngài, nói với mọi người là chưa khai ngộ, để mọi người lắng xuống.

Đến buổi chiều Ngũ tổ đi tuần liêu, tuần liêu chính là trong tự viện này, đi khắp mọi nơi để quan sát, tuần liêu. Trên thực tế, tuần liêu là mượn cớ, quan trọng nhất là muốn tìm ngài Huệ Năng. Đến phòng củi, ngài đang giã gạo, Ngũ tổ hỏi ngài giã gạo nhuyễn chưa? Hai vị đối thoại với nhau, là Thiền cơ, người khác nghe không hiểu. Ngài trả lời nhuyễn từ lâu rồi, chỉ thiếu sàng, vẫn chưa sàng gạo, chỉ thiếu bước này, bước cuối cùng này. Điều đó có nghĩa là ngài đã kiến tánh từ lâu, khai ngộ rồi, đợi được chứng minh, đợi lão Hòa thượng chứng minh cho ngài, chỉ thiếu bước này. Cho nên lão Hòa thượng cầm gậy gõ ba cái trên cối giã gạo của ngài rồi đi, như vậy là nói với ngài, vào canh ba, canh ba lúc nửa đêm đến phòng phương trượng tìm Ngũ tổ, người bên cạnh đều không biết, chỉ có hai vị có thể hiểu ý nhau, lãnh hội được.

Nửa đêm canh ba ngài đã đến, lần thứ hai gặp mặt Tổ sư, Tổ sư giảng cho ngài nghe Kinh Kim Cang trong phòng phương trượng, giảng đến “ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”, đại khái vẫn chưa đến một nửa, ngài liền khai ngộ. Ngộ được điều gì? Kiến tánh rồi. Tánh là gì? Ngài nói năm câu: 何期自性，本自清淨；何期自性，本不生滅；何期自性，本自具足；何期自性，本無動搖；何期自性，能生萬法 **“Hà kỳ Tự-tánh, bổn tự thanh tịnh; hà kỳ Tự-tánh, bổn bất sanh diệt; hà kỳ Tự-tánh, bổn tự cụ túc; hà kỳ Tự-tánh, bổn vô động dao; hà kỳ Tự-tánh, năng sanh vạn pháp”** *(Nào ngờ Tự-tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ Tự-tánh vốn không sanh diệt, nào ngờ Tự-tánh vốn tự sẵn đủ, nào ngờ Tự-tánh vốn không dao động, nào ngờ Tự-tánh có thể sanh ra vạn pháp)*. Ngũ tổ nghe đến đây, được rồi, đừng nói nữa, không cần nói nữa, liền trao y bát cho ngài, sắp xếp ngài mau chóng rời khỏi. Tổ đã chuẩn bị từ trước rồi, thuê thuyền, chuẩn bị sẵn, đưa ngài lên thuyền, ngài đi rồi. Các ngài đều có thần thông, đều biết rõ. Không biết chữ, chưa từng đi học, tuổi còn rất trẻ, 24 tuổi, khi được truyền y bát là 24 tuổi. Ngũ tổ nói với ngài, đi tìm nơi ẩn náu, đừng để người khác biết.

Ẩn náu 15 năm, sau 15 năm, gió yên sóng lặng rồi, mọi người cũng quên lãng sự việc này, không còn truy cứu nữa, người đó đã mất tích, không thấy nữa. 15 năm sau, ngài đã mạnh dạn bước ra, ở chùa Quang Hiếu tỉnh Quảng Châu hiện nay. Hòa thượng Phương trượng ở chùa Quang Hiếu đang giảng Kinh Niết Bàn, là Pháp sư Ấn Tông, ngài ngồi nghe ở sau cùng, ngồi sau cùng dự thính. Gặp phải hai người xuất gia đang tranh luận, trên cột cờ bên ngoài có treo tờ phướn, một Hòa thượng nói: Thầy xem bên ngoài gió động; Hòa thượng kia nói: Phướn động, không phải gió động. Hai vị ấy đang tranh luận, một người nói phướn động, một người nói gió động, tranh luận không ngừng. Ngài nói chen vào một câu, cũng rất khiêm tốn, ngài nói thưa nhân giả, nhân giả là sự tôn kính đối với Bồ-tát, thưa nhân giả, không phải gió động, cũng không phải phướn động, mà tâm của nhân giả động. Vừa nói lời này ra, mọi người đều rất kinh ngạc.

Sau khi Pháp sư Ấn Tông giảng kinh xong bước xuống, hỏi ngài, nghe nói y bát, y bát của Ngũ tổ đã được truyền lại, Pháp sư hỏi có phải là ngài không? Ngài liền thừa nhận. Pháp sư nói mời lấy y bát ra cho mọi người xem, ngài liền đưa y bát ra. Lúc này, Đại sư Lục tổ Huệ Năng liền bái Pháp sư Ấn Tông làm sư phụ, thế độ cho ngài, ngài Ấn Tông là thầy thế độ của ngài Huệ Năng. Sau khi thế độ, ngài Ấn Tông lại bái Đại sư Huệ Năng làm sư phụ truyền pháp. Quý vị xem, ngài Ấn Tông khiêm tốn, ngài Ấn Tông thật sự là hộ pháp, nếu không có ngài Ấn Tông, Đại sư Huệ Năng bước ra, muốn người khác biết được ngài thì rất khó. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng, ngài Ấn Tông cũng là Bồ-tát hóa thân, tuyệt đối không phải là người phàm, có sự độ lượng lớn như thế, thu nhận ngài, quay lại bái ngài làm thầy, người Trung Hoa nói nước lên thì thuyền lên, ngài vừa nâng lên thì danh vọng của Lục tổ tăng lên rất nhiều. Đây là phải khai ngộ, không khai ngộ thì không được.

Làm sao để khai ngộ? Ngộ ở buông xuống. Tôi học Phật, năm 26 tuổi, tôi thân cận Đại sư Chương Gia, Đại sư Chương Gia dạy tôi nhìn thấu buông xuống. Nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng sự thật, sau khi hiểu rõ sự thật, thì phải buông xuống, vì sao vậy? Chân tướng là giả. 凡所有相，皆是虛妄 **“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”** *(Hễ có tướng thì đều là hư vọng)*, đây là chân tướng; 一切有為法如夢幻泡影 **“nhất thiết pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh”** *(tất cả pháp hữu vi như mộng ảo bọt bóng)* là chân tướng; 一切法無所有，畢竟空，不可得 **“nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”** *(tất cả pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng đạt được)*, đây là chân tướng. Những câu kinh nói về chân tướng trong kinh Phật quá nhiều rồi, sau khi quý vị làm sáng tỏ thì phải buông xuống, là giả, không phải là thật.

Một câu Phật hiệu có thể minh tâm kiến tánh. Cận đại, thế hệ của chúng ta, lão Hòa thượng Hải Hiền, lão Hòa thượng ở chùa Lai Phật – Nam Dương, 112 tuổi vãng sanh, tự tại vãng sanh, vãng sanh vào tháng 1 năm 2013, hơn hai năm trước. Vị Hòa thượng này giống như Đại sư Huệ Năng vậy, ngài xuất gia năm 20 tuổi, không biết chữ, chưa từng đi học. Chúng tôi tin sư phụ của ngài là người tái lai, không phải người phàm, vì sao vậy? Sư phụ nhận biết được ngài, biết người này tương lai sẽ thành tựu, sẽ thành tựu tức là tương lai có thể chứng được minh tâm kiến tánh. Cũng như Ngũ tổ nhận biết được ngài Huệ Năng, vừa gặp mặt đã biết được, sợ người khác đố kỵ chướng ngại muốn làm khó ngài, nên sắp xếp ngài làm công quả trong phòng giã gạo, hằng ngày giã gạo chẻ củi, ngài tu thiền ở đó, đó chính là phương pháp tu hành của ngài, đợi đến khi thật sự triệt ngộ, Tổ lại đi tìm ngài. Sư phụ của lão Hòa thượng là Pháp sư Truyền Giới, cũng là người minh tâm kiến tánh, nếu không thì không nhận biết được ngài, đã xuống tóc cho ngài, chỉ truyền cho ngài một câu Nam Mô A Di Đà Phật, dặn ngài cứ niệm liên tục. Sau đó còn nói với ngài một câu: Hiểu rõ rồi, nghĩa là thật sự đại triệt đại ngộ, “hiểu rõ rồi, không thể nói lung tung, không được nói”.

Tôi xem đĩa phim của ngài, xem Vĩnh Tư Tập, đã xem mấy chục lần, tôi có thể xem ra. Ngài niệm Phật được công phu thành phiến, nhiều nhất là ba năm đến năm năm, cũng tức là năm 20 tuổi ngài bắt đầu niệm Phật, cũng không quá 23, 24 tuổi, sẽ không quá 25 tuổi thì công phu thành phiến. Công phu thành phiến thì có tư cách vãng sanh, nếu chính mình còn thọ mạng, không cần nữa, đi theo A Di Đà Phật, A Di Đà Phật nhất định đến tiếp dẫn ngài. Chỉ cần niệm đến công phu thành phiến, A Di Đà Phật nhất định sẽ hiện thân, đưa tin cho quý vị, tâm quý vị liền được định, quý vị sẽ không nghi ngờ nữa, quý vị sẽ dũng mãnh tinh tấn. Còn có rất nhiều người, nhìn thấy A Di Đà Phật thì không buông tay, số nhiều, không phải là số ít, cơ hội rất khó có được, không cần thọ mạng nữa, khẩn cầu A Di Đà Phật bây giờ đưa con vãng sanh, Phật rất từ bi. Cho nên chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, xem Truyện Vãng Sanh, trong đó có rất nhiều người đều niệm Phật ba năm được vãng sanh, đó tuyệt đối không phải là tuổi thọ của họ, là họ không cần nữa. Có một số người vẫn còn thọ mạng, họ hiểu rõ về kinh giáo, nếu thật sự hiểu rõ thấu triệt thì họ có thể không muốn vãng sanh sớm. Vì sao vậy? Ở nơi này tu hành nhanh hơn, thù thắng hơn so với tu hành ở thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Ở đây có rất nhiều chướng duyên, ở thế giới Cực Lạc không có chướng duyên, cho nên tương đối chậm.

Hòa thượng Hải Hiền không như vậy, tôi tin vào năm ngài 25 tuổi được công phu thành phiến; nâng cấp lên sự-nhất-tâm-bất-loạn, tôi tin khoảng vào năm ngài 30 tuổi; lý-nhất-tâm-bất-loạn, minh tâm kiến tánh, tôi tin không quá 40 tuổi. Là người thật thà, những điều kiện mà Phật đã nói, bản thân ngài đều có đủ, chân thành, thanh tịnh, cung kính, trong cung kính có khiêm tốn, điều này chúng ta đều nhìn thấy. Chính ngài đã tiết lộ tin tức cho chúng ta, cũng tình cờ để lộ một câu nói, người không chú ý thì không biết. “Điều gì tôi cũng biết”, ngài nói như vậy, điều gì tôi cũng biết, chỉ là tôi không nói. Điều gì cũng biết chính là minh tâm kiến tánh, không minh tâm kiến tánh thì không thể nói câu này, nói câu này là đại vọng ngữ, tội đó đọa địa ngục A-tỳ. Điều gì cũng biết, Phật pháp, thế pháp, quý vị hỏi ngài, ngài đều biết, không có gì mà ngài không biết. Ngài chưa đọc kinh điển lần nào, cũng chưa từng tụng kinh, cũng chưa từng nghe giảng kinh, quý vị đọc kinh văn cho ngài nghe, ngài sẽ giảng cho quý vị nghe, những gì ngài giảng tuyệt đối không sai. Vào thời đại của chúng ta, còn xuất hiện người như vậy, thật quá hiếm có! Thiền tông ở đời Đường xuất hiện ngài Huệ Năng, Tịnh-độ tông ngày nay xuất hiện một vị lão Hòa thượng Hải Hiền.

Sau khi ngài khai ngộ, nghe theo lời dặn dò của A Di Đà Phật, ngài đã rất nhiều lần khẩn cầu Phật đưa ngài vãng sanh, Phật nói với ngài, con tu rất tốt, ở thế gian này thêm vài năm, làm tấm gương tốt cho người học Phật, đặc biệt là làm tấm gương tốt cho người niệm Phật. Vì vậy, ngài trụ thế là để biểu pháp, chúng tôi tin rằng 112 tuổi, đó không phải là thọ mạng vốn có của ngài, thọ mạng vốn có chắc hẳn là xấp xỉ với đồng tham đạo hữu của ngài, 70, 80 tuổi. Có thể sống đến 112 tuổi, đây là A Di Đà Phật gia trì, A Di Đà Phật muốn ngài đến biểu pháp, muốn ngài đến hộ trì Tịnh tông, ngài đã hoàn thành nhiệm vụ rồi.

Nhất định là Phật đã giao hẹn với ngài, khi con nhìn thấy một quyển sách, quyển sách này chính là “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Tăng Tán Thán Tăng”, do Pháp sư Hoằng Lâm biên soạn, con gặp được quyển sách này, Phật sẽ đến tiếp dẫn con vãng sanh. Vì vậy, vào tháng 1 năm 2013, nhìn thấy quyển sách này, ngài hoan hỷ vô cùng. Có người mang theo một quyển sách đến chùa Lai Phật, ngài liền hỏi họ quyển sách này tên là gì, họ nói cho ngài biết, ngài lập tức khoác áo đắp y, cầm quyển sách này, chủ động yêu cầu mọi người chụp hình cho ngài. Đây là điều chưa từng có trong cả đời ngài, ngài chụp hình đều là bị động, không chủ động yêu cầu người khác chụp hình cho ngài. Sau khi chụp xong tấm hình này, ba ngày sau thì ngài vãng sanh. Chúng tôi nghĩ là A Di Đà Phật giao ước với ngài, nhìn thấy quyển sách này thì Phật đến tiếp dẫn, tự tại vãng sanh, không có bệnh khổ, không có già khổ, không có chết khổ. Bất kỳ người nào cũng không cách nào tránh khỏi nỗi khổ sanh già bệnh chết. Ngài 112 tuổi, thể lực như thanh niên vậy, hôm ngài vãng sanh (ngài vãng sanh vào buổi tối), ban ngày vẫn làm việc cả ngày, trồng trọt, tưới cây, nhổ cỏ ngoài vườn rau, làm đến trời tối.

Ngài biết trước ngày giờ, ngài không nói với người khác, ngài không muốn người khác đưa ngài vãng sanh. Ngài nói với người khác: Vãng sanh cần người khác hộ niệm thì không đáng tin, tôi dựa vào chính mình là được rồi, tôi không cần nhờ người khác. Cho nên ngài vãng sanh vào buổi tối. Người khác cảm thấy tối hôm trước ngài khác với ngày thường, bởi vì bình thường lão Hòa thượng đi ngủ rất sớm, thức dậy cũng sớm. Tối hôm đó ngài ngủ rất trễ, mọi người ngủ hết rồi mà ngài vẫn chưa ngủ, vẫn ở đó lạy Phật, mà còn đánh khánh, điều này khác thường. Bình thường lão Hòa thượng không bao giờ đánh pháp khí, nhưng tối hôm vãng sanh ngài đánh khánh. Đến sáng ngày hôm sau, sau khi mọi người xong thời khóa sáng, nhìn thấy lão Hòa thượng vẫn chưa ra, đến mời ngài ăn cơm, mở cửa ra, vừa nhìn thì thấy lão Hòa thượng nằm trên giường, đi rồi, tướng nằm kiết tường ra đi rồi. Quý vị xem, tự tại biết mấy, thị hiện cho chúng ta thấy, làm tấm gương cho chúng ta.

Tôi xem được đĩa phim này, tôi nói với mọi người, tôi nói từng li từng tí trong Kinh Vô Lượng Thọ, lão Hòa thượng đã làm được hết rồi, ngài làm trong cuộc sống hằng ngày rồi; trong công việc, công việc của ngài là làm ruộng, nông dân, làm được rồi, đối nhân tiếp vật, ngài hoàn toàn làm được rồi. Vì vậy, tôi bảo các đồng học xem đĩa phim này là tổng kết của Kinh Vô Lượng Thọ, hy vọng mỗi ngày mọi người xem ba lần, niệm mười ngàn tiếng Phật hiệu, một năm đừng gián đoạn. Không gián đoạn, năm này mọi người đã xem một ngàn lần rồi, xem một ngàn lần, mục đích là gì? Tự hiểu nghĩa kia, quý vị sẽ có chỗ ngộ, không có đại ngộ thì có tiểu ngộ, chắc chắn có chỗ ngộ. Quý vị sẽ kiên định tín tâm, kiên cố nguyện tâm đối với Pháp môn niệm Phật, đời này nhất định sẽ thành tựu, chắc chắn được vãng sanh. Lão Hòa thượng làm tấm gương cho chúng ta, câu Phật hiệu này phải niệm như thế nào, Pháp môn Tịnh-độ tu như thế nào, làm chứng chuyển cho chúng ta, thật là hiếm có.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân là thân Pháp tánh, Pháp tánh không sanh không diệt, cho nên đó là vô lượng thọ, thật sự vô lượng thọ. Hoàn cảnh sinh sống là cõi Pháp tánh, cõi Pháp tánh không sanh không diệt, cho nên cây cối nơi đó luôn xanh tươi, sẽ không già yếu, không khô héo, lá cây không rơi rụng, không chịu ảnh hưởng của thời tiết. Hết thảy mọi thứ ở thế giới Cực Lạc, đều là do Pháp tánh biến hiện, không có A-lại-da-thức. Mọi người đến thế giới Cực Lạc hoàn toàn chuyển thức thành trí, chuyển ở đâu? Trong Tịnh Tu Tiệp Yếu Báo Ân Đàm, lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói, là người vãng sanh, vãng sanh là hóa sanh trong hoa sen, khi quý vị lên hoa sen, hoa liền khép lại. Khi tiếp dẫn thì hoa nở ra, quý vị bước vào hoa sen, ngồi lên đài sen, hoa liền khép lại. Phật mang đóa hoa này đến thế giới Cực Lạc, để trong ao thất bảo, lúc này chuyển tám thức thành bốn trí. Ở ao thất bảo, hoa vừa nở, hoa nở thấy Phật, chuyển hoàn toàn rồi. Đó là bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, không phải dựa vào chính mình, dựa vào chính mình thì thật sự rất khó. Vì vậy, người niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ, đối với Phật phải giữ tâm báo ân, ân đức này của Phật không cách nào so sánh, lớn hơn ân đức của cha mẹ rất nhiều, cha mẹ cho chúng ta thân mạng, vẫn không thể giúp chúng ta đoạn khổ; A Di Đà Phật cho chúng ta Pháp-thân, cho chúng ta huệ mạng, giúp chúng ta lìa rốt ráo khổ, được rốt ráo vui. Vì vậy, người học Phật, niệm niệm phải biết ơn A Di Đà Phật.

Làm sao báo ân? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh-độ chính là báo ân. Tuyệt đối không thể bỏ lỡ cơ hội lần này, cơ duyên lần này vô cùng thù thắng. Bản hội tập của Hạ Liên lão không đơn giản, tôi có nghe nói, có người nói với tôi, lão Cư sĩ Hạ Liên Cư là Phổ Hiền Bồ-tát tái lai; lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Quán Thế Âm Bồ-tát tái lai. Lão Pháp sư Hải Hiền, tôi tin tuyệt đối không phải là người phàm, nếu ngài không phải là A Di Đà Phật tái lai thì tôi tin ngài là Đại Thế Chí Bồ-tát tái lai. Chúng ta gặp được duyên thù thắng như vậy, không thể bỏ lỡ, lỡ mất rồi thì thật sự đáng tiếc, vô cùng thù thắng, là đến để độ chúng ta.

Tiếp theo Niệm lão nói với chúng ta, mỗi màu sắc, mỗi mùi hương, mỗi hạt bụi, mỗi tên gọi ở cõi ấy đều là trung đạo. Quý vị đến thế giới Cực Lạc, những gì sáu căn tiếp xúc được, toàn là do tánh đức tự nhiên lưu lộ, cho nên đều là trung đạo. 皆是不可思議法界之全體大用 **“Giai thị bất khả tư nghị pháp-giới chi toàn thể đại dụng”** *(Đều là toàn thể đại dụng của pháp-giới không thể nghĩ bàn)*, đến thế giới Cực Lạc thì nhìn thấy. 是故彼國一一名字，皆顯如來性德。如來證窮法界 **“Thị cố bỉ quốc nhất nhất danh tự, giai hiển Như Lai tánh đức. Như Lai chứng cùng pháp-giới”** *(Cho nên mỗi một tên gọi ở cõi ấy đều hiển bày tánh đức Như Lai. Như Lai chứng cùng pháp-giới)*, cùng là cùng tận, Ngài chứng được pháp-giới cứu cánh, chúng tôi thường nói, khắp pháp-giới hư-không-giới, không có nơi nào Ngài bỏ sót, không sót chút nào, chứng được rốt ráo viên mãn, pháp-giới viên mãn, phải biết điều này. 照徹心源，功德究竟，以一真一切真故，一究竟一切究竟 **“Chiếu triệt tâm nguyên, công đức cứu cánh, dĩ nhất chân nhất thiết chân cố, nhất cứu cánh nhất thiết cứu cánh”** *(Soi thấu nguồn tâm, công đức rốt ráo, bởi vì một điều chân thật thì hết thảy đều chân thật, một điều rốt ráo thì hết thảy đều rốt ráo)*, chúng ta phải ghi nhớ những câu này, Niệm lão nói rất hay. 又以假名詮顯實法 **“Hựu dĩ giả danh thuyên hiển thật pháp”** *(Lại nữa, dùng giả danh để giải thích hiển bày thật pháp)*, ở thế giới này của chúng ta là giả danh, Ngài dùng giả danh này để hiển bày tánh đức. Các loài chim ở thế giới Cực Lạc là do Tự-tánh biến hiện, không liên quan đến A-lại-da. 故彼土一一名字悉皆究竟，白鶴是究竟白鶴，共命之鳥是究竟共命之鳥，是諸眾鳥皆如來性德之所顯，故其假名亦皆是性德之美稱，而非惡名矣 **“Cố bỉ độ nhất nhất danh tự tất giai cứu cánh, bạch hạc thị cứu cánh bạch hạc, cộng mạng chi điểu thị cứu cánh cộng mạng chi điểu, thị chư chúng điểu giai thị Như Lai tánh đức chi sở hiển, cố kỳ giả danh diệc giai thị tánh đức chi mỹ xưng, nhi phi ác danh hĩ”** *(Nên mỗi tên gọi ở cõi ấy đều là rốt ráo, bạch hạc là bạch hạc rốt ráo, chim cộng mạng là chim cộng mạng rốt ráo, những loài chim này đều do tánh đức của Như Lai hiển hiện, vì giả danh đó cũng đều là tên gọi đẹp của tánh đức, nên chẳng phải ác danh).* Câu này nói rất hay, nói rất rõ ràng, rất tường tận, chúng ta đừng nghi ngờ nữa.

Chúng ta xem tiếp phần sau, nguyện thứ 29: 住正定聚願 **“Trụ chánh-định-tụ nguyện”** *(Nguyện trụ chánh-định-tụ).*

【所有眾生。生我國者。皆同一心。住於定聚。】

**“Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả giai đồng nhất tâm, trụ ư định-tụ”.**

*(Tất cả chúng sanh, sanh cõi nước con đều cùng một tâm, trụ trong định-tụ).*

Định là chánh hạnh, cũng tức là nói cho chúng ta biết, người ở thế giới Cực Lạc, tất cả mọi người, tất cả những loài chim này, tất cả những cây cối hoa cỏ, đều do tánh đức lưu lộ, trong Tự-tánh vốn sẵn có. Đại sư Huệ Năng nói: 何期自性，能生萬法 **“Hà kỳ Tự-tánh, năng sanh vạn pháp”** *(Nào ngờ Tự-tánh có thể sanh ra vạn pháp)*, thế giới Cực Lạc chính là vạn pháp sanh ra từ Tự-tánh. Thế giới này của chúng ta cũng là vạn pháp sanh ra từ Tự-tánh, vậy sao lại khác với thế giới Cực Lạc? Thế giới chúng ta, ở trong Tự-tánh có vọng tâm, Đại-thừa nói là “duy tâm sở hiện”, tâm này là Tự-tánh; nhưng câu sau là “duy thức sở biến”, thức là vọng tâm, cho nên tâm mà chúng ta dùng là chân vọng hòa hợp. Vọng tâm là A-lại-da, bản thể của A-lại-da chính là chân tâm. Nhưng hôm nay chúng ta mê hoặc rồi, không biết bản thể của A-lại-da ở trước mắt, không biết, chúng ta chỉ nhận biết A-lại-da, sai là sai ở chỗ này. Dùng A-lại-da thì tạo nghiệp, nghiệp có nhiễm có tịnh, trong nhiễm nghiệp có thiện có ác. Nhiễm nghiệp là lục đạo luân hồi, thiện thì cảm ba đường thiện, ác thì cảm ba đường ác. Nhiễm tịnh, tịnh đó chính là Tứ thánh pháp-giới, Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật. Trong mười pháp giới, bốn tầng trên là tịnh, sáu tầng dưới là nhiễm, trong nhiễm có thiện ác, trong tịnh không có thiện ác.

Vì vậy, chúng ta không chỉ thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà còn vượt qua mười pháp-giới, đến thế giới Cực Lạc thì vượt qua mười pháp-giới. Trong Thật-báo độ làm gì có sáu đường; sáu đường, mười pháp-giới chắc chắn không rời khỏi A-lại-da-thức, tám thức và 51 tâm-sở, không rời khỏi. Rời khỏi rồi, đó chính là Thật-báo độ, nhất-chân pháp-giới. Cho nên A-lại-da-thức quản tam giới lục đạo, quản mười pháp-giới, mười pháp-giới đều do A-lại-da biến hiện, thức biến, không rời khỏi A-lại-da, thì không cách nào rời khỏi mười pháp-giới, chuyển tám thức thành bốn trí, vậy thì thoát khỏi mười pháp-giới rồi. Nếu không vãng sanh thế giới Cực Lạc, họ nhất định sanh đến thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa tạng là Thật-báo-trang-nghiêm độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, Tứ thánh pháp-giới là Phương-tiện độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo luận hồi là Phàm-thánh-đồng-cư độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, như vậy thì chúng ta hiểu rất rõ, rất tường tận rồi.

Chúng ta xem nguyện thứ 29: Nguyện trụ chánh-định-tụ. Kinh văn, 所有眾生，生我國者，皆同一心，住於定聚 **“sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, gia đồng nhất tâm, trụ ư định-tụ”** *(tất cả chúng sanh sanh đến cõi nước con đều cùng một tâm, trụ trong định-tụ)*. Nhất tâm hiện bình đẳng. Xem chú giải, 第廿九住正定聚願。所有眾生，生我國者，皆同一心，住於定聚。由於第五無差別願，生彼國者，形貌無差，悉同一類。形既相類，心亦同然。心皆同一，住於定聚 **“đệ nhập cửu trụ chánh-định-tụ nguyện. Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đồng nhất tâm, trụ ư định-tụ. Do ư đệ ngũ vô sai biệt nguyện, sanh bỉ quốc giả, hình mạo vô sai, tất đồng nhất loại. Hình ký tương loại, tâm diệc đồng nhiên. Tâm giai đồng nhất, trụ ư định-tụ”** *(nguyện thứ 29: Nguyện trụ chánh-định-tụ. Tất cả chúng sanh sanh đến cõi nước con, đều cùng một tâm, trụ trong định-tụ. Vì nguyện thứ năm là nguyện không có sự khác biệt, nên người sanh đến cõi ấy, tướng mạo không khác, đều cùng một hình dáng. Tướng mạo đã giống nhau thì tâm cũng tương đồng. Tâm đều như nhau, trụ trong định-tụ)*. Những câu này đã nói rất rõ ràng, rất tường tận, nói rất hay.

Chúng ta phải chú ý đến, nguyện thứ năm trong 48 nguyện là nguyện không có sự khác biệt, thế giới Cực Lạc không có tướng khác biệt. Nói bắt đầu từ đâu? Từ hình mạo. Hình là hình dáng của chúng ta, thân thể của quý vị, vóc dáng của quý vị cao bao nhiêu, lớn thế nào, đây là hình; mạo là dung mạo, tướng mạo của quý vị. Vô sai, không có khác biệt, không khác biệt với ai? Không khác biệt với A Di Đà Phật. Hay nói cách khác, mỗi người đến thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, nhìn thấy A Di Đà Phật, hình tướng, tướng mạo của quý vị giống hệt như A Di Đà Phật, mọi người đều giống hệt A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là khuôn mẫu, từ một khuôn mẫu tạo ra, giống hệt như nhau. Vậy thì chúng ta có câu hỏi, rốt cuộc người nào là Phật, người nào là phàm phu? Đều không nhận biết được. Không sao cả, các ngài có thần thông, có trí huệ, quý vị tuyệt đối không nhận nhầm người. Vả lại thế giới Cực Lạc rất náo nhiệt, vô cùng quen thuộc, thật sự là trở về nhà rồi, cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp từ vô lượng kiếp đến nay có người niệm Phật vãng sanh, quý vị đều thấy, cũng đều ở đó; bạn bè thân thiết của quý vị, chỉ cần là người niệm Phật vãng sanh thì đều ở cùng nhau, họ cũng sẽ cùng A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị vãng sanh. Việc vãng sanh này rất thù thắng, không cô đơn, phải cố gắng đạt được.

Cho nên đều cùng một hình dáng, đó chính là phía sau nói, tướng mạo đã giống nhau thì tâm cũng tương đồng. Tâm là gì? Toàn là chân tâm. Chân tâm là gì? Chân tâm không có ý niệm, trong Đại-thừa giáo nói chân tâm lìa niệm, khi lìa niệm chính là chân tâm. Vậy thì vọng tâm có ý niệm, khi nào quý vị không có ý niệm, không có ý niệm chính là chân tâm. Quý vị không thể nào không có ý niệm, khi không có ý niệm là trạng thái gì? Vô-minh, đó không phải là chân tâm, là vọng tâm. Vô-minh là gì? Không biết gì cả. Chân tâm là như thế nào? Chân tâm là điều gì cũng biết, không có ý niệm. Giống như là mắt chúng ta thấy sắc, nhìn thấy rõ ràng sáng tỏ, không có khởi tâm động niệm, đây chính là chân tâm; tai nghe thấy rất rõ ràng, không khởi tâm động niệm, không có khởi tâm động niệm chính là trụ chánh-định-tụ.

Cho nên khi sáu căn của Phật tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, không có khởi tâm động niệm, là chân tâm; có khởi tâm động niệm, không có phân-biệt chấp-trước là Bồ-tát, cho nên Bồ-tát thấp hơn Phật một bậc. Bồ-tát không có phân-biệt chấp-trước; có phân-biệt chấp-trước là phàm phu. Bậc thấp hơn, có phân-biệt, không có chấp-trước là A-la-hán, Bích-chi-phật, Tiểu-thừa, Tiểu-thừa có phân-biệt không có chấp-trước; hết thảy đều có, khởi tâm động niệm phân-biệt chấp-trước đều có, là phàm phu lục đạo. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, tu hành ở đâu? Tu lúc căn tiếp xúc với trần. Tu Pháp môn Tịnh-độ như thế nào? Khi căn tiếp xúc với trần, dùng một câu A Di Đà Phật thay thế khởi tâm động niệm, phân-biệt chấp-trước, buông xuống những thứ đó, chỉ có một vị A Di Đà Phật, như vậy là tu Tịnh-độ. Quý vị thử xem, không dùng câu Phật hiệu này, quý vị không khởi tâm không động niệm thì khó, không làm được.

Bây giờ chúng ta rất kỳ diệu, phàm phu lục đạo, quý vị xem điều gì cũng không đoạn, chỉ chuyển đổi khởi tâm động niệm, phân-biệt chấp-trước thành A Di Đà Phật, thật sự chuyển đổi rồi. Có nhìn thấy rõ ràng không? Nhìn thấy rõ ràng; có nghe rõ ràng không? Nghe được rõ ràng, không để những điều đó trong tâm, trong tâm để A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra thì không có gì cả, như vậy gọi là tu Tịnh-độ, như vậy gọi là tu tâm thanh tịnh, thật sự thanh tịnh, thanh tịnh đến tột cùng. Trên đề kinh của chúng ta, tâm thanh tịnh là A-la-hán, không chấp-trước, tâm thanh tịnh; tâm bình đẳng là Bồ-tát; giác, phía sau có chữ giác, thanh tịnh bình đẳng giác, giác là Phật, Pháp-thân Đại sĩ, giác là không khởi tâm không động niệm, cho nên không khởi tâm không động niệm thì giác ngộ, thành Phật, minh tâm kiến tánh rồi. Vẫn còn khởi tâm động niệm thì không được, khởi tâm động niệm là không giác, đó là vô-minh. Vô-minh bất giác sanh tam-tế, tam-tế-tướng chính là nghiệp-tướng, chuyển-tướng, cảnh-giới-tướng; dùng bốn phần để nói chính là: tướng-phần, kiến-phần, tự-chứng-phần, còn có chứng-tự-chứng-phần, là bốn phần này. Tất cả những lời Phật nói cho chúng ta biết, là giả, không phải thật, cho nên không thể tham ái Phật pháp, nếu tham ái thì không thể ra khỏi lục đạo luân hồi, toàn là giả. Phật là pháp do nhân duyên sanh, tùy bệnh cho thuốc, quý vị có bệnh, Phật dùng thuốc này để trị cho quý vị. Trị khỏi, hết bệnh rồi, thuốc cũng không cần nữa. Khỏi bệnh rồi mà còn uống thuốc, thì lại bệnh nữa, lại sinh bệnh. Chúng sanh ở trong lục đạo, trong mười pháp-giới, đây là bệnh. Lục đạo là bệnh nặng, mười pháp-giới là bệnh nhẹ, Phật dùng 84 ngàn Pháp môn để đối trị, trị khỏi, hết bệnh rồi, thuốc cũng không cần nữa. 法尚應捨，何況非法 **“Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp”** *(Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp)*, phi pháp là bệnh, pháp là thuốc, hết thảy đều phải xả, đừng lưu luyến. Vậy thì bản thân quý vị giác ngộ rồi, còn giữ pháp này làm gì? Cho chúng sanh, cho những bệnh nhân đó, là vì người khác, không vì chính mình, tâm địa của mình thanh tịnh, không nhiễm một bụi trần. Họ không biết thứ này quý giá, phải vì chúng sanh mà hộ trì Phật pháp, phải giảng giải rõ cho chúng sanh, giảng giải cho thấu triệt, để họ thật sự hiểu rõ, khuyên họ phát nguyện, tu hành chứng quả. Tuy làm những việc này, bận rộn nhưng rất vui vẻ, tâm địa thanh tịnh, không nhiễm một bụi trần. Như lão Hòa thượng Hải hiền, ngài rất chịu khó, gian lao, nhưng ngài không để trong tâm, ngài pháp hỷ sung mãn, thật sự làm mà không làm, không làm mà làm, ngài vào cảnh giới này, cho nên vô cùng hiếm có.

Tiếp theo giải thích 定聚 **“định-tụ”**, định-tụ có nghĩa là gì? 指正定聚，乃三聚之一。三聚包括一切眾生 **“Chỉ chánh-định-tụ, nãi tam tụ chi nhất. Tam tụ bao quát nhất thiết chúng sanh”** *(Chỉ chánh-định-tụ, là một trong tam tụ. Tam tụ bao gồm tất cả chúng sanh).* Tụ chính là loại, từng loại một. Phật chia chúng sanh thành ba loại lớn, gọi tắt là tam tụ. 三聚之說通於大小乘 **“Tam tụ chi thuyết thông ư Đại Tiểu-thừa”** *(Thuyết tam tụ thông cả Đại-thừa Tiểu-thừa)*, nhưng ý nghĩa thì có vài cách nói, đều có trong kinh. 一者，（一）正定聚，必定證悟者 **“Nhất giả, (nhất) chánh-định-tụ, tất định chứng ngộ giả”** *(Thứ nhất, (một) chánh-định-tụ, là nhất định chứng ngộ)*. Cũng tức là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây là chánh-định-tụ. Trong đây cũng có rất nhiều, quý vị xem, nhất-chân pháp-giới, Thật-báo-trang-nghiêm độ, dùng Kinh Hoa Nghiêm để nói, Sơ-trụ Bồ-tát thì chứng được, trong đây có Thập-trụ, Thập-hạnh, Thập-hồi-hướng, Thập-địa, Đẳng-giác, 41 vị Pháp-thân Đại sĩ, các Ngài trụ ở nơi đó. Người chưa minh tâm kiến tánh thì không đến được, nơi đó ở đâu quý vị cũng không biết. Trong Tịnh-độ gọi là thế giới Cực Lạc, ở Thích Ca Mâu Ni Phật gọi là thế giới Hoa Tạng, trong Mật tông gọi là thế giới Mật Nghiêm, trên thực tế là một mà ba, ba mà một, trong đây không tách rời, là một thể, tên gọi khác nhau, sự thật là như nhau. Cho nên Mật Nghiêm chính là Tịnh-độ, Tịnh-độ chính là Hoa Tạng, khác biệt rất ít, không nhiều.

Thù thắng, chư Phật tán thán thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc giống như thế giới của các Ngài, hình như là viên mãn hơn, vì sao vậy? A Di Đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc khác với các Ngài. Các Ngài dùng phương pháp thông thường, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, đạt đến tột cùng thì thế giới này hiện tiền. A Di Đà Phật không phải vậy, A Di Đà Phật ngoài đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức ra, Ngài còn có 48 nguyện, điều này thì khác. 48 nguyện là thầy của Ngài dạy Ngài, nếu nguyện của Ngài thành tựu thì giúp tất cả chúng sanh khổ nạn có một đạo tràng tu hành tốt, để mọi người có thể thành tựu viên mãn trong một đời, nguyện này quá lớn, hiếm có, thật sự hiếm có, rất nhiều người không nghĩ ra, Ngài nghĩ ra rồi. Vậy phải làm sao mới có thể xây dựng một đạo tràng lý tưởng giúp đỡ họ? Thầy của Ngài, Thế Gian Tự Tại Vương Phật nói với Ngài, trước tiên con hãy đến cõi nước của chư Phật trong mười phương để khảo sát, hiện nay gọi là khảo sát, đi tham quan, đến học tập, chọn ưu điểm, bỏ khuyết điểm của người khác. Hay nói cách khác, thế giới Cực Lạc là tập hợp sự thành tựu tốt đẹp của tất cả cõi nước chư Phật trong mười phương, những điều tốt trong thế giới của tất cả chư Phật, chỗ Ngài đều có, điều không tốt thì chỗ Ngài không có. Ví dụ như ở đây nói tướng mạo khác biệt, trong cõi nước của tất cả chư Phật đều có sự khác biệt. Có khác biệt thì phát sinh phiền phức gì? Người có tướng mạo đẹp thì ngạo mạn, xem thường người khác; tướng mạo xấu hơn chút, người xấu xí, cảm thấy tự ti, như vậy thì sanh phiền-não. Ngài không muốn có người sanh phiền-não, tướng mạo mọi người đều như nhau, không cần so sánh, phương pháp này tốt! Cho nên điểm này thù thắng hơn cõi nước của tất cả chư Phật. Thế giới Hoa Tạng không có nói tướng mạo giống nhau, không nói đến, có thể thấy được thế giới Hoa Tạng có, tướng mạo có khác biệt; ở thế giới Cực Lạc không có khác biệt. Thế giới Mật Nghiêm cũng có khác biệt, chỉ có thế giới Cực Lạc không có, đây là đại nguyện thù thắng mà A Di Đà Phật đã phát ra, chính là 48 nguyện, chúng ta nhất định phải biết điều này. Vì thế, thế giới Cực Lạc dễ dàng thành tựu, đến nơi đó, phiền-não không đoạn, nhưng tự nhiên không dấy khởi, vì sao vậy? Không có điều gì khiến quý vị sanh phiền-não, ngay cả tướng mạo của mọi người đều như nhau, Phật cũng nghĩ đến rồi. Định-tụ này chính là chánh-định-tụ, nhất định chứng ngộ, chắc chắn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đến thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc đảm bảo quý vị, nếu quý vị dũng mãnh tinh tấn thì sẽ nhanh chóng thành tựu.

Thứ hai, 邪定聚，畢竟不證悟者 **“tà-định-tụ, tất cánh bất chứng ngộ giả”** *(tà-định-tụ là chắc chắn không chứng ngộ)*. Họ sẽ không khai ngộ, đây là tà-định-tụ, sẽ không khai ngộ, họ có thể được thanh tịnh, có thể được bình đẳng, nhưng họ không cách nào giác. Thứ ba, 不定聚，介以上二者之中 **“bất-định-tụ, giới dĩ thượng nhị giả chi trung”** *(bất-định-tụ là ở giữa hai loại trên)*. Đây là nguyên nhân gì? Gặp duyên khác nhau. 蓋有緣則證悟，無緣則不證悟也 **“Cái hữu duyên tắc chứng ngộ, vô duyên tắc bất chứng ngộ dã”** *(Vì có duyên thì chứng ngộ, không có duyên thì không chứng ngộ)*. Cho dù có thiện căn này, nhưng không có duyên, không gặp được duyên thì không thể chứng ngộ; có duyên thì họ có thể chứng ngộ, duyên này cực kỳ quan trọng.

Đời này tôi gặp được duyên, nếu không gặp được duyên, thì không còn ở thế gian từ lâu rồi, thọ mạng của tôi chỉ có 45 tuổi, tôi thật sự tin. Chúng tôi có ba đồng học, tôi là một trong số đó, chúng tôi quen biết nhau trước khi xuất gia. Sau này tôi xuất gia, họ cũng xuất gia theo tôi, chênh lệch khoảng một năm. Chúng tôi cùng tuổi, vận mạng cũng giống nhau, người xem tướng đoán mạng đều nói chúng tôi không qua khỏi 45 tuổi. Vào năm 45 tuổi, tháng 3 thì Pháp Dung đi rồi, tháng 5 Minh Diễn đi rồi, tháng bảy tôi bị bệnh, tôi nghĩ là thời gian đến rồi. Cho nên tôi cũng không khám bệnh, cũng không uống thuốc, bởi vì tôi nghĩ thuốc chỉ có thể chữa bệnh, không thể chữa mạng, thọ mạng hết rồi, vậy thì có ích lợi gì? Vì vậy, tôi chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ, niệm một tháng thì khỏi bệnh rồi. Mãi cho đến hôm nay, trong khoảng thời gian này tôi chỉ bị bệnh một lần, bốn ngày thì khỏi. 79 tuổi, năm đó tôi ở Bắc Kinh, ở trong khách sạn, tôi không vào bệnh viện, ở khách sạn bốn ngày, có Bác sĩ Đông y đến khám bệnh cho tôi. Chúng tôi còn nhận được một chút thông tin. Sau khi khỏi bệnh thì tôi trở về Hong Kong, dưỡng bệnh hai tuần thì tiếp tục giảng kinh.

Đã có một năm tôi gặp được Lạt-ma Cam Châu, ngài nói với tôi, đặc biệt mời tôi, nói với tôi chuyện này, ngài nói chúng tôi đều nói sau lưng thầy. Tôi hỏi nói gì? Nói thầy không phải người xấu, chỉ có điều đáng tiếc là thọ mạng ngắn, lại không có phước báo, không có phước báo chính là bần cùng. Tôi nói điều này không hề gì, có thể nói trước mặt tôi, tôi đã biết rồi. Ngài nói bây giờ thầy khác rồi, thầy thay đổi rồi. Tôi hỏi thay đổi thế nào? Lúc đó tôi giảng kinh được 12 năm, ngài nói công đức giảng kinh mười mấy năm của thầy rất lớn, thọ mạng của thầy sẽ rất dài, phước báo của thầy sẽ rất lớn. Không ngờ, năm sau thì ngài qua đời rồi, ngài lớn hơn tôi mười mấy tuổi, cũng là học trò của Đại sư Chương Gia. Cho nên ngài nói công đức giảng kinh, cách nói này, sau khi tôi theo thầy Lý (lão Cư sĩ Lý Bỉnh Nam), tôi theo thầy mười năm, thầy đã nói với tôi vài lần. Thầy mở lớp Kinh học, đào tạo nhân tài giảng kinh, lúc đó chỉ có hơn 20 học viên. Có một lần thầy nói với tôi, trong số học viên có không ít người đều đoản mệnh. Là thật, bây giờ đều ra đi hết rồi. Vì sao tìm những người này khuyên họ phát tâm ra giảng kinh? Vì có thể kéo dài thọ mạng. Giảng kinh tu phước là phước lớn, mà còn dễ tu, chỉ cần biết tiếc phước, không tạo tội nghiệp, ai cũng có thể kéo dài tuổi thọ. Nếu không trì giới, vẫn tạo tội nghiệp, vậy thì không còn cách nào, phước mà quý vị tu được đã bị triệt tiêu rồi. Trì giới, tu phước.

Đại sư Chương Gia dạy tôi, trong mạng không có, không có tài phú, hoằng pháp cần có tài phú, nhưng trong mạng không có, tu, bổ sung. Bổ sung thế nào? Tài phú là từ bố thí tài mà có, thông minh trí huệ là từ bố thí pháp mà có, khỏe mạnh trường thọ là từ bố thí vô úy mà có, quý vị tu ba việc bố thí này, quý vị sẽ được ba loại quả báo. Tôi nghe rồi thật làm, do Đại sư Chương Gia truyền dạy. Lúc đó rất nghèo khó, thật sự một phân tiền cũng không có. Thầy hỏi tôi, tôi nói không có tiền bố thí. Thầy hỏi tôi có một hào không? Tôi nói một hào thì được. Có một đồng không? Một đồng cũng còn được, vẫn có thể. Thầy liền nói với tôi, con hãy bắt đầu từ một hào, một đồng. Một hào, một đồng đó bố thí ở đâu? Lúc đó chạy khắp tự viện, chạy khắp tự viện làm gì? Tìm kinh sách để xem, bên ngoài không mua được kinh sách, chỉ trong tự viện có, cho nên thường xuyên đến tự viện để chép kinh. Tự viện nào có in kinh, mọi người quyên tiền, cầm một quyển sổ nhỏ để quyên tiền, một đồng, một hào họ cũng nhận. Như vậy thì dễ rồi, người có tiền thì quyên nhiều, người không có tiền thì quyên ít, đến góp phần in kinh. Phóng sanh, phóng sanh là bố thí vô úy, thọ mạng chúng ta ngắn thì phải tu việc này. Kinh được in, kinh chính là bố thí pháp. Cho nên quý vị xem trong đây, có bố thí tài, có bố thí pháp, có bố thí vô úy, ấn tống kinh sách, làm một được ba, ba loại quả báo này, quý vị đều đạt được, là thật, không phải giả. Từ đó về sau, tôi có tiền thì làm, ngoại trừ chi phí sinh hoạt, thì bố thí hết thảy, càng bố thí càng nhiều. Đây là kinh nghiệm cả đời của bản thân tôi, là thật, phước báo tăng trưởng, thông minh trí huệ tăng trưởng, khỏe mạnh trường thọ tăng trưởng. Cho nên, những việc này đừng để trong tâm, chỉ làm, quả báo tự nhiên hiện tiền, đừng mong cầu. Tùy duyên không phan duyên, có duyên thì chính mình làm, cố gắng nghiêm túc để làm; không có duyên, không tìm việc để làm. Tùy duyên tốt, tìm việc rất phiền phức, chúng ta không biết nhân quả, không biết việc đời trước, sẽ chuốc lấy rất nhiều phiền phức, tùy duyên tốt.

Vì vậy, duyên bất định này quan trọng, nếu đời này tôi không gặp được thầy Phương, thì đời này tuyệt đối không có cơ hội tiếp xúc tôn giáo. Bởi vì quan niệm khi còn nhỏ đều cho rằng tôn giáo là mê tín, học được từ trường học, học Tiểu học, học Trung học, thầy đều nói như vậy, nên sự ảnh hưởng này rất sâu, sẽ không tiếp xúc tôn giáo. Thầy Phương, thầy giới thiệu Phật pháp cho tôi, được xem là một khóa trình trong Triết học. Cuối đời thầy đã mở khóa học lớn này tại Đại học Đài Loan, có mở khóa “Phật học Đại-thừa”, có khóa “Phật học đời Tùy Đường”. Khóa học lớn nhất sau cùng là “Triết học Hoa Nghiêm”, đó là khi thầy nghỉ hưu ở Đài Bắc, trường Đại học Phụ Nhân mời thầy, là trường học của Thiên Chúa giáo, mời thấy giảng Triết học Hoa Nghiêm, phân lượng rất lớn, thầy giảng khoảng hơn một năm. Cho nên chúng tôi gặp được duyên này, mới biết được Phật giáo.

Sau khi biết được Phật giáo, chúng tôi di dân đến Singapore, hợp tác mật thiết với tất cả tôn giáo của Singapore, đoàn kết mọi người lại với nhau. Đây chính là dần dần biết được tất cả tôn giáo đều tốt, chúng tôi đã có sự hiểu lầm lớn về tôn giáo, đây là việc rất oan uổng. Vì vậy, ở Singapore có duyên, thành phố quốc gia Singapore, mọi người cùng ở trong một thành phố, giao thông rất thuận tiện, có thể thường xuyên trò chuyện cùng nhau, gặp mặt nhau, vấn đề đều được hóa giải.

Từ duyên này mà kết duyên đến Úc, năm 2000 tôi di dân đến Úc, là Bộ trưởng Bộ di trú, chúng tôi đã gặp mặt hai lần, ông biết việc tôi đã làm ở Singapore, vô cùng hoan hỷ, mong muốn tôi đến Úc để giúp họ đoàn kết tôn giáo, đoàn kết chủng tộc. Cấp visa cho tôi, năm đó, tôi nhớ là tôi 75 tuổi, 75 tuổi mà di dân thì người ta không cần nữa. Nhưng đây là đích thân Bộ trưởng phê duyệt cho tôi, hình như cho tôi danh nghĩa là nhân tài hàng đầu của quốc gia để di dân đến Úc. Đến Úc thì ông cho tôi rất nhiều phương tiện, rất nhiều ưu đãi, cho nên chúng tôi đã thiết lập hai đạo tràng ở Úc, thiết lập Tịnh Tông Học Hội ở Brisbane, thiết lập Tịnh Tông Học Viện ở Toowoomba, Học viện là dạy học, Học hội là niệm Phật, giống như Liên xã vậy, mấy chục năm nay cũng có chút thành tựu.

Đặc biệt là ở Toowoomba, chúng tôi giúp cư dân ở thành phố nhỏ này, đây là đa nguyên văn hóa điển hình. Cư dân ở thành phố nhỏ này có 120 ngàn người, năm xưa khi tôi qua đó có 80 ngàn người, đến nay đã mười mấy năm rồi, dân số đã tăng thêm, 120 ngàn người, có hơn 80 chủng tộc, có hơn 100 ngôn ngữ, mười mấy tôn giáo, cho nên là đa nguyên văn hóa điển hình. Chúng tôi ở đó 13 năm, hiện nay đã đoàn kết 120 ngàn người này thành người một nhà, giống như anh chị em vậy. Tôn giáo khác nhau, chủng tộc khác nhau, chúng tôi tôn trọng lẫn nhau, kính yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với nhau, người một nhà, đều có ý nguyện này, chúng tôi muốn biến thành phố nhỏ mà chúng tôi đang sinh sống này thành thành phố gương mẫu hài hòa đa nguyên văn hóa đầu tiên trên thế giới. Mọi người nỗ lực hướng về một phương hướng, một mục tiêu, hiếm có, cực kỳ hiếm có, trong bao nhiêu năm nay, tâm tưởng sự đã thành. Điều này nói với người trên cả thế giới, các tín ngưỡng khác nhau, văn hóa khác nhau, đều có thể đối đãi bình đẳng, chung sống hòa thuận, sẽ không nảy sinh tranh chấp.

Hễ có những sự tranh chấp, những sự xung đột này, thậm chí đến nỗi trở thành chiến tranh, đều là do không hiểu rõ những văn hóa này của nhân loại, văn hóa không có xung đột. Hiện nay có người đề xướng luận văn hóa xung đột, văn hóa không có xung đột, xung đột là gì? Xung đột về lợi ích, xung đột về danh văn lợi dưỡng, tranh danh trục lợi. Quý vị buông xuống tâm danh lợi này, thì không còn xung đột nữa. Cho nên đó không phải là văn hóa. Văn hóa thì phải học tập lẫn nhau, phải thúc đẩy lẫn nhau, phải dung hợp một cách nghiêm túc, tất cả văn hóa đều là văn hóa chung của nhân loại, đều là người một nhà. Dùng văn hóa để giúp thế giới này, hóa giải xung đột, xúc tiến sự an định hài hòa, tốt.

Đặc biệt là tôn giáo, kinh điển của mỗi tôn giáo đều khuyên mọi người tu thiện. Hồi giáo, ngày nay nhắc đến Hồi giáo, thì khiến cho mọi người liên tưởng đến khủng bố, nhưng đối với Hồi giáo là sự oan uổng. Hồi giáo là tiếng Ả Rập, nghĩa là hòa bình, là thật, không phải giả. Cho nên hiện nay chúng tôi đề xướng, mong rằng mỗi tôn giáo đều có quyển sách nhỏ giới thiệu tôn giáo của mình, tinh hoa trong tôn giáo của mình, khiến cho mọi người trong thời gian ngắn đều có thể đọc được, đều có thể hiểu rõ, làm căn cứ lý luận đoàn kết giữa các tôn giáo. Chúng ta căn cứ vào gì để đoàn kết với nhau? Căn cứ vào kinh điển thì tốt biết mấy! Thật đáng để người khác khâm phục, đáng được người khác ca ngợi!

Cho nên duyên rất quan trọng, hiện nay chúng ta đều gặp được những duyên này, với tôn giáo, với chủng tộc, duyên này ở nước Úc, đây là Chính phủ nước Úc giúp tôi. Họ giao hai việc này cho trường Đại học thực hiện, trường Đại học không thiên vị, sẽ không thiên về Chính phủ, cũng không thiên về chủng tộc, tôn giáo, mà dùng tâm bình đẳng để thực hiện. Tôi đến Úc đã tiếp xúc với trường Đại học, mỗi tuần đều phải tổ chức hoạt động, cho nên rất quen thuộc. Bằng cách này, họ yêu cầu tôi đại diện trường học để tham gia hoạt động hòa bình của Liên hiệp quốc. Đây đều là tùy duyên, duyên đến rồi. Nếu bản thân chúng tôi đi tìm, thì không thể nào, không tìm được. Cho nên tôi vẫn luôn cảm thấy những việc này đều là Phật Bồ-tát sắp xếp, không phải sức người có thể làm được.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học tập đến đây thôi.

***( Hết tập 192)***

Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều sanh nước Cực Lạc
Chóng viên thành Phật quả
Rộng độ khắp chúng sanh.

Nam mô A Di Đà Phật.